TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2022
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thành và bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2022/TLST- HNGĐ ngày 12/01/2022 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 18/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Thái Văn U**; sinh năm 1985; nơi ĐKHKTT: Khóm 8, phường 8, TP. C, tỉnh Cà Mau; nơi tạm trú và nơi ở hiện nay: KDC Đ, phường H, TP. C, tỉnh Hải Dương- Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị T**; sinh năm 1984; nơi ĐKHKTT: MTĐ1, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; nơi ở hiện nay: Số 130 đường B, tổ 22, khu phố 3, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh- Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên anh Thái Văn U trình bày như sau: Anh và chị Huỳnh Thị T kết hôn với nhau ngày 17/9/2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng từ đó căng thẳng không hòa hợp. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Thái Anh K, sinh ngày 14/10/2007 hiện đang ở với chị T. Anh xác định chị T có nơi ở, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con do vậy anh đề nghị giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung, anh nhất trí và sẽ có trách nhiệm với cháu K.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 17/3/2022, bị đơn chị Huỳnh Thị T trình bày: Chị và anh U kết hôn với nhau ngày 17/9/2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Anh chị kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không có tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục được vì vậy chị nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh U. Chị và anh U đã có văn bản thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh giải quyết vụ án ly hôn của anh chị.

Về con chung: Chị và anh U có 01 con chung là Thái Anh K, sinh ngày 17/9/2007, hiện đang ở với chị. Hiện nay chị làm trong Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh, lương khoảng 9.000.000 đồng/tháng. Chị có chỗ ở ổn định đảm bảo sinh hoạt cho 02 mẹ con. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu K cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung với chị, tự anh U có trách nhiệm với con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh U, xử cho anh Thái Văn U được ly hôn chị Huỳnh Thị T.

- Về con chung: Xử giao cháu Thái Anh K, sinh ngày 14/10/2007 cho chị Huỳnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh U phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Thái Văn U có nơi cư trú tại khu dân cư Đ, phường H, TP. C, tỉnh Hải Dương và bị đơn chị Huỳnh Thị T có nơi cư trú hiện nay tại số 130 đường B, tổ 22, khu phố 3, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Anh chị đã có văn bản thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh giải quyết vụ án là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh U và chị T.

[2] Anh Thái Văn U và chị Huỳnh Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 17/9/2007. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng từ đó căng thẳng, luôn bất hòa. Anh chị đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để tiếp tục chung sống nhưng mâu thuẫn của anh chị kéo dài và ngày càng trầm trọng hơn. Từ năm 2018 đến nay anh chị ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh U xin ly hôn chị T, chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, không thể khắc phục được do vậy nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh U. Do đó Tòa án xác định anh U và chị T có mâu thuẫn đã trở lên trầm trọng, đã khắc phục nhưng không được, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh U, xử cho anh Thái Văn U được ly hôn chị Huỳnh Thị T.

[3] Về con chung: Anh U và chị T có 01 con chung là Thái Anh K, sinh ngày 14/10/2007. Nay anh U và chị T cùng thỏa thuận giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, anh U nhất trí. Xét chị T hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, chị có chỗ ở, thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện nuôi con. Cháu K cũng có nguyện vọng xin được ở với chị T. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu K cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị T tự nguyện không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh U và chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Thái Văn U là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Thái Văn U được ly hôn chị Huỳnh Thị T.

2. Về con chung: Xử giao cháu Thái Anh K, sinh ngày 14/10/2007 cho chị Huỳnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh U có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Thái Văn U phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh U đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0002886 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh. Anh U đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Báo các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Quyết